# Unit1 Từ mới bài 1+ 2

**Câu 1** **Từ 'admire' có nghĩa là gì?**

A. thú vị

B. ngưỡng mộ

C. nhật ký

D. hòa bình

**Câu 2** **Từ 'interesting' có nghĩa là gì?**

A. thú vị

B. y học

C. nhiệm vụ

D. khu rừng

**Câu 3** **Từ 'diary' có nghĩa là gì?**

A. hòa bình

B. phát minh

C. nhật ký

D. thế hệ

**Câu 4** **Từ 'peace' có nghĩa là gì?**

A. tình nguyện

B. cuộc hôn nhân

C. bóng đèn

D. hòa bình

**Câu 5** **Từ 'medicine' có nghĩa là gì?**

A. y học

B. bác sĩ phẫu thuật

C. quân địch

D. máy hát

**Câu 6** **Từ 'volunteer' có nghĩa là gì?**

A. tham gia quân đội

B. bệnh viện dã chiến

C. tình nguyện

D. trải nghiệm

**Câu 7** **Cụm từ 'join the army' có nghĩa là gì?**

A. tham gia quân đội

B. tham gia

C. kháng chiến chống lại

D. có tuổi thơ hạnh phúc

**Câu 8** **Từ 'surgeon' có nghĩa là gì?**

A. y học

B. nhiệm vụ

C. kẻ thù

D. bác sĩ phẫu thuật

**Câu 9** **Cụm từ 'the resistance war against' có nghĩa là gì?**

A. bệnh viện dã chiến

B. kháng chiến chống lại

C. ghi chép cá nhân

D. cuộc sống đơn giản

**Câu 10** **Cụm từ 'field hospital' có nghĩa là gì?**

A. bác sĩ phẫu thuật

B. khu rừng

C. bệnh viện dã chiến

D. phát minh

**Câu 11** **Từ 'contain' có nghĩa là gì?**

A. bao gồm

B. tham gia

C. ngưỡng mộ

D. trải nghiệm

**Câu 12** **Cụm từ 'personal account' có nghĩa là gì?**

A. cuộc hôn nhân

B. thế hệ

C. máy hát

D. ghi chép cá nhân

**Câu 13** **Từ 'experience' có nghĩa là gì?**

A. nhiệm vụ

B. trải nghiệm

C. quân địch

D. bóng đèn

**Câu 14** **Từ 'enemy' có nghĩa là gì?**

A. khu rừng

B. nhiệm vụ

C. quân địch, kẻ thù

D. hòa bình

**Câu 15** **Từ 'duty' có nghĩa là gì?**

A. nhiệm vụ

B. trải nghiệm

C. phát minh

D. cuộc sống đơn giản

**Câu 16** **Từ 'jungle' có nghĩa là gì?**

A. bệnh viện dã chiến

B. thế hệ

C. máy hát

D. khu rừng

**Câu 17** **Cụm từ 'have a happy childhood' có nghĩa là gì?**

A. có tuổi thơ khó khăn

B. có tuổi thơ hạnh phúc

C. tham gia quân đội

D. ngưỡng mộ

**Câu 18** **Cụm từ 'have a difficult childhood' có nghĩa là gì?**

A. có tuổi thơ hạnh phúc

B. cuộc sống đơn giản

C. có tuổi thơ khó khăn

D. thành công

**Câu 19** **Từ 'impressive' có nghĩa là gì?**

A. đáng ngạc nhiên

B. thành công

C. đơn giản

D. ấn tượng

**Câu 20** **Từ 'respect' có nghĩa là gì?**

A. ấn tượng

B. ngưỡng mộ, tôn trọng

C. thú vị

D. hòa bình

**Câu 21** **Từ 'amazing' có nghĩa là gì?**

A. đáng ngạc nhiên

B. ấn tượng

C. thành công

D. đơn giản

**Câu 22** **Từ 'marriage' có nghĩa là gì?**

A. thế hệ

B. phát minh

C. cuộc hôn nhân

D. máy hát

**Câu 23** **Từ 'generation' có nghĩa là gì?**

A. cuộc hôn nhân

B. phát minh

C. bóng đèn

D. thế hệ

**Câu 24** **Từ 'phonograph' có nghĩa là gì?**

A. bóng đèn

B. máy hát

C. phát minh

D. cuộc sống đơn giản

**Câu 25** **Từ 'invention' có nghĩa là gì?**

A. phát minh

B. máy hát

C. bóng đèn

D. thành công

**Câu 26** **Cụm từ 'simple life' có nghĩa là gì?**

A. tuổi thơ hạnh phúc

B. cuộc hôn nhân

C. nhiệm vụ

D. cuộc sống đơn giản

**Câu 27** **Cụm từ 'the light bulb' có nghĩa là gì?**

A. bóng đèn

B. máy hát

C. phát minh

D. y học

**Câu 28** **Cụm từ 'at the age of' có nghĩa là gì?**

A. thành công

B. có tuổi thơ khó khăn

C. vào tuổi...

D. tham gia

**Câu 29** **Từ 'successful' có nghĩa là gì?**

A. thành công

B. ấn tượng

C. thú vị

D. hòa bình

Muốn tự tạo bài trắc nghiệm như thế này?

Quét QR hoặc truy cập: **baitracnghiem.app/tao-bai-trac-nghiem**

**Luyện thêm cùng khóa học:**

IELTS BREAKER: 89 bài từ vựng IELTS Speaking, học thử miễn phí, trọn bộ 199.000đ — diemdanh.app/khoa-hoc/ielts-breaker

Luyện nghe cơ bản (Basic level): 103 bài luyện nghe, học thử miễn phí, trọn bộ 99.000đ — diemdanh.app/khoa-hoc/luyen-nghe-basic-level-59

**diemdanh.app**